

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Thăng Long – CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng đầu năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Thăng Long - CTCP

- Mã chứng khoán: TTL
- Địa chỉ: 72 – Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng – TP Hà Nội – Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 091.555.43.42
- Email: [tongthanglong.tlg@gmail.com](mailto:tongthanglong.tlg@gmail.com) Website: [tlg@tlg.com.vn](http://tlg@tlg.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:



☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: .../.../2025 tại đường dẫn: .....

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: .....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất); .....
- Ngày hoàn thành giao dịch: .....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng, hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025
- Văn bản giải trình .....



TL.TỔNG GIÁM ĐỐC  
TP HÀNH CHÍNH - NHÂN SỰ  
**Trần Duy Hưởng**

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025**

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 48





## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

#### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long chuyển đổi hình thức sở hữu sang Tổng Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Quốc tế: Thang Long Joint Stock Corporation.

Tên viết tắt: TLG.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 24/6/2025 là: 419.080.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm mười chín tỷ, không trăm tám mươi triệu đồng*).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ giao dịch: Tầng 5 Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với mã TTL.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 06/5/2025)
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/5/2024, đơn từ nhiệm ngày 04/02/2025, Miễn nhiệm ngày 06/5/2025)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 06/5/2025)
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 06/5/2025)

##### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Minh Tú	Trưởng ban
Ông Ngô Tiến Đạt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/5/2024, đơn từ nhiệm ngày 04/02/2025)
Ông Lê Đình Ba	Thành viên
Bà Lê Thị Lan Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 06/5/2025)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Việt Hà	Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 02/8/2024)
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Vinh	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 13/9/2024)
Ông Nguyễn Anh Văn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc

## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Việt Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025



Số: 348/2025/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Thăng Long - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP được lập ngày 15/8/2025, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5.5 và 5.18 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả đến việc ghi nhận nợ phải trả cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo kết luận tại Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và ghi nhận nợ phải thu các nhà thầu phụ về trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty do thi công không đảm bảo chất lượng công trình liên quan đến kết luận của Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu trên.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.5 và 5.9 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tại Công ty con là Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh, đến ngày 30/6/2025 Công ty đang ghi nhận phần vốn góp của chủ sở hữu của dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh theo hình thức hợp đồng BOT (Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1) số tiền 47.183.000.000 đồng; Tài sản đầu tư của Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1 với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 161.774.504.871 đồng và 0 đồng; Phần Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 30/6/2025 của Công ty con Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh là 1.269.320.841 đồng bao gồm cả lợi nhuận của dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh theo hình thức hợp đồng BOT (giai đoạn 1) và dự án xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ Cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức BOT (giai đoạn 2). Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1 chưa được quyết toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, làm cơ sở quyết toán vốn cho Nhà đầu tư bàn giao tài sản của dự án cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, giá trị các khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của giai đoạn 1 có thể bị ảnh hưởng khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.425.118.962.476</b>	<b>2.425.328.071.449</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>232.144.490.803</b>	<b>479.374.861.214</b>
1. Tiền	111		191.144.490.803	454.374.861.214
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.000.000.000	25.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>88.544.779.117</b>	<b>58.446.606.899</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		88.544.779.117	58.446.606.899
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.257.775.546.108</b>	<b>1.061.875.731.867</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	465.425.537.736	461.112.590.195
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	768.414.992.788	595.644.672.399
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	190.239.165.984	171.422.619.673
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(166.304.150.400)	(166.304.150.400)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>727.043.895.713</b>	<b>708.198.184.298</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	727.043.895.713	708.198.184.298
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>119.610.250.735</b>	<b>117.432.687.171</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	289.369.190	457.305.409
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		74.768.119.543	76.245.999.893
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	44.552.762.002	40.729.381.869
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>285.811.206.136</b>	<b>318.196.861.547</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>168.930.000</b>	<b>123.960.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	168.930.000	123.960.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>220.920.798.152</b>	<b>257.856.152.070</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	213.814.081.337	250.598.961.447
- Nguyên giá	222		858.630.586.013	858.513.415.933
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(644.816.504.676)	(607.914.454.486)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	1.802.341.815	1.952.815.623
- Nguyên giá	225		2.407.580.909	2.407.580.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(605.239.094)	(454.765.286)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	5.304.375.000	5.304.375.000
- Nguyên giá	228		5.529.845.000	5.529.845.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(225.470.000)	(225.470.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>54.661.517.317</b>	<b>51.402.754.090</b>
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	5.12	30.840.448.978	27.581.685.751
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.12	3.821.068.339	3.821.068.339
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.059.960.667</b>	<b>8.813.995.387</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	10.059.960.667	8.813.995.387
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.710.930.168.612</b>	<b>2.743.524.932.996</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>2.070.038.966.245</b>	<b>2.123.109.083.925</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.048.750.053.714</b>	<b>2.101.754.341.143</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	438.784.843.283	434.468.788.417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	537.939.632.087	662.415.950.051
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	7.544.817.921	3.919.901.414
4. Phải trả người lao động	314		9.570.895.608	14.149.096.453
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	61.422.026.597	48.173.924.605
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	2.264.433.001	2.203.708.197
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	133.920.432.705	124.949.552.858
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	856.505.410.498	810.663.857.134
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		797.562.014	809.562.014
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.288.912.531</b>	<b>21.354.742.782</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	16.462.431.049	16.462.431.049
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	4.826.481.482	4.892.311.733
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>640.891.202.367</b>	<b>620.415.849.071</b>
<b>(400 = 410)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>640.891.202.367</b>	<b>620.415.849.071</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		419.080.000.000	419.080.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		419.080.000.000	419.080.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		52.625.676.545	52.625.676.545
4. Cổ phiếu quỹ	415		(543.000.000)	(543.000.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		420.909.775	484.459.399
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.954.816.575	24.954.816.575
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.064.116.832	46.456.357.955
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		46.456.357.955	54.284.667.403
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.607.758.877	(7.828.309.448)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		86.288.682.640	77.357.538.597
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.710.930.168.612</b>	<b>2.743.524.932.996</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

Tổ Giám đốc

Vũ Quang Hòa

Nguyễn Thị Diệu

Nguyễn Việt Hà



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	716.310.975.679	831.524.440.162
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	716.310.975.679	831.524.440.162
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	638.041.198.107	767.289.627.385
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		78.269.777.572	64.234.812.777
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.420.191.355	3.286.819.161
7. Chi phí tài chính	22	6.4	28.505.573.474	32.193.925.163
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.505.573.474	32.193.925.163
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.258.763.227	3.272.620.496
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	49.762.172
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	29.661.700.899	31.249.215.148
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		26.781.457.781	7.301.349.951
12. Thu nhập khác	31	6.6	752.141.189	2.620.665.053
13. Chi phí khác	32	6.6	3.001.753.666	2.822.101.834
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(2.249.612.477)	(201.436.781)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		24.531.845.304	7.099.913.170
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	3.992.942.384	929.684.152
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		20.538.902.920	6.170.229.018
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		11.607.758.877	2.694.839.963
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		8.931.144.043	3.475.389.055
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	277	64

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc

Vũ Quang Hòa

Nguyễn Thị Dịu

Nguyễn Việt Hà



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.531.845.304	7.099.913.170
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		36.992.867.754	43.694.962.721
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.678.954.582)	(4.305.393.571)
- Chi phí lãi vay	06		28.505.573.474	32.193.925.163
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		83.351.331.950	78.683.407.483
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(198.249.824.196)	17.294.300.717
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.845.711.415)	6.530.383.475
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(101.523.937.429)	(311.013.963.598)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.078.029.061)	5.534.719.945
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.328.952.185)	(30.125.887.026)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.301.003.763)	(1.804.198.870)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.000.000)	(45.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(265.985.126.099)	(234.946.937.874)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(50.000.000)	(23.250.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.300.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.210.495.849	2.236.819.161
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.839.504.151)	6.513.569.161
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		590.762.446.507	593.927.041.530
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(544.986.723.394)	(585.574.281.853)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(181.463.274)	(998.176.222)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(175.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		45.594.259.839	7.179.583.455
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(247.230.370.411)	(221.253.785.258)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	479.374.861.214	317.942.876.759
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	232.144.490.803	96.689.091.501

Người lập biểu

Vũ Quang Hòa

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Dịu

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Việt Hà



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Tổng Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long chuyển đổi hình thức sở hữu sang Tổng Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên tiếng anh: Thanh Long Joint Stock Corporation.

Tên viết tắt: TLG.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 24/6/2025 là: 419.080.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm mười chín tỷ, không trăm tám mươi triệu đồng*).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch: Tầng 5 Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với mã TTL.

Số lao động tại ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty và Công ty con là 324 người (Tại ngày 31/12/2024 là 332 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm kế toán bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

**1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là xây dựng. Do đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty phụ thuộc vào thời gian thực hiện hợp đồng với chủ đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty đầu tư vào Công ty con và các Công ty liên kết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>
<b>Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Hà Nội	Thi công xây dựng	82,65%	82,65%	82,65%
Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Hà Nội	Thi công xây dựng	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Hưng Yên	Đầu tư xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao công trình cầu, đường bộ	(*)	(*)	(*)
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty TNHH BOT Đường 188	Hải Phòng	Đầu tư xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao công trình cầu, đường bộ	(**)	(**)	(**)

(\*): Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh - Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long - CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 5 năm 2002. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 49,41%.

Theo Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (Hợp đồng BOT) về dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao vực vòng giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 27 tháng 2 năm 2015. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 70%.

(\*\*): Theo Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao về dự án Đường 188 đoạn An Thái - Mạo Khê giữa Sở giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 17.884.300.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 22,03%.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) tại ngày 30/6/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong kỳ kế toán được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty đã được soát xét và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con của Tổng Công ty đã soát xét là Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long, Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long, Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào Tổng Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào Tổng Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao trong thời gian 32 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm lập Báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành là 20%.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
- Chi phí lãi vay

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác*****Hợp đồng xây dựng***

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (*bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (*bộ phận theo khu vực địa lý*) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thi công xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.016.619.568	1.269.245.666
Tiền gửi ngân hàng	190.127.871.235	453.105.615.548
Các khoản tương đương tiền	41.000.000.000	25.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	41.000.000.000	25.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>232.144.490.803</b>	<b>479.374.861.214</b>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng với lãi suất từ 1,6%/năm đến 3,4%/năm tại các ngân hàng.

**5.2. Đầu tư tài chính**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>88.544.779.117</b>	<b>88.544.779.117</b>	<b>58.446.606.899</b>	<b>58.446.606.899</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	88.544.779.117	88.544.779.117	58.446.606.899	58.446.606.899
<b>Dài hạn</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>108.544.779.117</b>	<b>108.544.779.117</b>	<b>78.446.606.899</b>	<b>78.446.606.899</b>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,2%/năm, được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Tổng Công ty và các Công ty con tại các ngân hàng (chi tiết tại Thuyết minh số 5.19).

(ii) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 4,2%/năm, được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Tổng Công ty và các Công ty con tại các ngân hàng (chi tiết tại Thuyết minh số 5.19).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>465.425.537.736</b>	<b>461.112.590.195</b>
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực xây dựng	402.903.213.856	399.761.262.701
<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông TP Hà Nội (Tên cũ Ban Quản lý dự án hạ tầng Tả Ngạn)</i>	42.216.193.562	42.216.193.562
<i>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng</i>	20.226.426.576	25.554.622.644
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	340.460.593.718	331.990.446.495
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực khác	62.522.323.880	61.351.327.494
<b>Tổng</b>	<b>465.425.537.736</b>	<b>461.112.590.195</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>4.167.710.822</i>	<i>3.767.537.802</i>

**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
- Trả trước cho người bán lĩnh vực xây dựng	707.517.316.765	535.471.790.100
<i>Công ty Cổ phần xây dựng số 12 Thăng Long</i>	61.350.798.446	61.350.798.446
<i>Công ty Cổ phần xây dựng số 9 - VC9</i>	16.438.529.359	16.470.452.829
<i>Công ty TNHH đầu tư và xây dựng TNG</i>	71.083.190.860	53.604.943.913
<i>Tổng Công ty Thành An</i>	50.428.745.943	-
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn TAG Việt Nam</i>	-	724.632.950
<i>Các đối tượng khác</i>	508.216.052.157	403.320.961.962
- Trả trước cho người bán lĩnh vực khác	60.897.676.023	60.172.882.299
<i>Công ty Cổ phần xây dựng số 9 - VC9</i>	55.393.912.622	56.572.883.729
<i>Các đối tượng khác</i>	5.503.763.401	3.599.998.570
<b>Tổng</b>	<b>768.414.992.788</b>	<b>595.644.672.399</b>
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>142.915.632.841</i>	<i>126.648.280.471</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>190.239.165.984</b>	<b>(1.487.804.058)</b>	<b>171.422.619.673</b>	<b>(1.487.804.059)</b>
Ký cược, ký quỹ	2.484.332.118	-	4.961.992.104	-
Tạm ứng	90.858.606.182	-	89.061.173.239	-
Phải thu khác	96.896.227.684	(1.487.804.058)	77.399.454.330	(1.487.804.059)
<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	<i>10.082.626.919</i>	<i>-</i>	<i>10.082.626.919</i>	<i>-</i>
<i>Ban điều hành dự án</i>	<i>8.723.799.377</i>	<i>-</i>	<i>9.106.925.877</i>	<i>-</i>
<i>Lãi dự thu</i>	<i>53.984.477</i>	<i>-</i>	<i>165.507.765</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 (i)</i>	<i>48.599.334.444</i>	<i>-</i>	<i>37.049.334.444</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu trách nhiệm bồi thường theo Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội (ii)</i>	<i>10.381.724.609</i>	<i>-</i>	<i>10.781.724.609</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>19.054.757.858</i>	<i>(1.487.804.058)</i>	<i>10.213.334.716</i>	<i>(1.487.804.059)</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>168.930.000</b>	<b>-</b>	<b>123.960.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	168.930.000	-	123.960.000	-
<b>Tổng</b>	<b>190.408.095.984</b>	<b>(1.487.804.058)</b>	<b>171.546.579.673</b>	<b>(1.487.804.059)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>720.943.751</i>	<i>-</i>	<i>720.943.751</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>				

(i): Khoản tiền hoàn vốn và lợi nhuận Công ty TNHH BOT Yên Lệnh đã chi cho Nhà đầu tư thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh theo phương thức BOT (Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1). Công ty đã hoàn tất thời gian thu phí cho giai đoạn 1 nhưng chưa thực hiện quyết toán hợp đồng BOT giai đoạn 1 của Dự án và hiện vẫn đang được Bộ Giao thông vận tải giao cho Công ty quản lý và bảo trì.

(ii): Theo Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội liên quan đến trách nhiệm của các nhà thầu thi công các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng theo quy định của gói thầu số 4 Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi giai đoạn từ tháng 07/2014 đến tháng 7/2017, tại mục trách nhiệm bồi thường, Tổng Công ty với tư cách là nhà thầu phải bồi thường cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Căn cứ Bản án nêu trên, Tổng Công ty đã ghi nhận nợ phải trả Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng (chi tiết tại Thuyết minh số 5.18). Đồng thời, căn cứ theo các hợp đồng ký kết giữa Tổng Công ty với các nhà thầu phụ để thực hiện gói thầu số 4, Tổng Công ty đang tạm thời xác định các nhà thầu phụ có trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty do thi công không đảm bảo chất lượng công trình theo quy định. Ngày 05/9/2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội có Quyết định số 174/QĐ-CCTHADS về việc khấu trừ số tiền 18.556.130.948 đồng trong tài khoản số 1462201022200 của Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam để thi hành án. Số tiền còn lại thực hiện một phần bằng công nợ giữa Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.



**TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTPC**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.6. Nợ xấu**

	30/6/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<i>Công nợ trả trước cho người bán</i>	145.415.236.272	(145.415.236.272)	-	145.415.236.272	(145.415.236.272)	-
- Công ty CPXD số 2 Thăng Long	12.042.306.840	(12.042.306.840)	-	12.042.306.840	(12.042.306.840)	-
- Công ty CPXD số 8 Thăng Long	35.587.816.315	(35.587.816.315)	-	35.587.816.315	(35.587.816.315)	-
- Công ty CPXD số 12 Thăng Long	59.454.263.365	(59.454.263.365)	-	59.454.263.365	(59.454.263.365)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Vũ	17.649.396.088	(17.649.396.088)	-	17.649.396.088	(17.649.396.088)	-
- Công ty CPXD số mười bảy Thăng Long	14.855.926.944	(14.855.926.944)	-	14.855.926.944	(14.855.926.944)	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	5.637.962.800	(5.637.962.800)	-	5.637.962.800	(5.637.962.800)	-
- Công ty Cổ phần Bê Tông và XD Thăng Long	187.563.920	(187.563.920)	-	187.563.920	(187.563.920)	-
<i>Công nợ phải thu của khách hàng</i>	19.401.110.070	(19.401.110.070)	-	19.401.110.070	(19.401.110.070)	-
- Công ty CPXD số 2 Thăng Long	1.840.430.981	(1.840.430.981)	-	1.840.430.981	(1.840.430.981)	-
- Công ty CPXD số 12 Thăng Long	8.913.760.403	(8.913.760.403)	-	8.913.760.403	(8.913.760.403)	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	4.064.652.248	(4.064.652.248)	-	4.064.652.248	(4.064.652.248)	-
- Công ty Cổ phần công trình 798	659.499.850	(659.499.850)	-	659.499.850	(659.499.850)	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật & Xây dựng Namkwang Hàn Quốc - VPDHDA EX10	1.261.250.287	(1.261.250.287)	-	1.261.250.287	(1.261.250.287)	-
- Các đối tượng khác	2.661.516.301	(2.661.516.301)	-	2.661.516.301	(2.661.516.301)	-
<i>Công nợ phải thu khác</i>	1.487.804.058	(1.487.804.058)	-	1.487.804.058	(1.487.804.058)	-
- Công ty CPXD số mười bảy Thăng Long	1.241.961.126	(1.241.961.126)	-	1.241.961.126	(1.241.961.126)	-
- Các đối tượng khác	245.842.932	(245.842.932)	-	245.842.932	(245.842.932)	-
<b>Tổng</b>	<b>166.304.150.400</b>	<b>(166.304.150.400)</b>	<b>-</b>	<b>166.304.150.400</b>	<b>(166.304.150.400)</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

**5.7. Hàng tồn kho**

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.896.676.934	-	4.178.683.004	-
Công cụ, dụng cụ	1.499.776.160	-	1.557.831.760	-
doanh dờ đang	714.385.493.934	-	701.627.186.499	-
Hàng hóa	5.261.948.685	-	834.483.035	-
<b>Tổng</b>	<b>727.043.895.713</b>	<b>-</b>	<b>708.198.184.298</b>	<b>-</b>

**5.8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>289.369.190</b>	<b>457.305.409</b>
Công cụ dụng cụ	3.291.679	23.041.681
Chi phí chờ phân bổ	286.077.511	434.263.728
<b>Dài hạn</b>	<b>10.059.960.667</b>	<b>8.813.995.387</b>
Công cụ dụng cụ	8.501.282.267	6.057.966.317
Chi phí trùng tu	430.987.089	1.292.961.243
Chi phí quản lý dự án (i)	257.810.025	343.746.699
Chi phí trả trước dài hạn khác	869.881.286	1.119.321.128
<b>Tổng</b>	<b>10.349.329.857</b>	<b>9.271.300.796</b>

(i): Khoản chi phí quản lý dự án là khoản chi vượt định mức theo quy định từ Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ Cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức BOT - Giai đoạn 2 (dự kiến thời gian thu phí đến hết ngày 09/12/2026 theo Phụ lục số 05/PLHĐ.BOT-BGTVT ngày 26/7/2018). Công ty đang thực hiện phân bổ chi phí trên căn cứ vào thời gian hoàn vốn còn lại của Dự án.



**TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTPC**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định dự án B.O.T	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2025	53.408.410.226	118.735.563.110	19.847.849.545	2.583.009.996	663.938.583.056	858.513.415.933
Tăng trong kỳ	50.000.000	39.160.000	28.010.080	-	-	117.170.080
Mua trong kỳ	50.000.000	-	-	-	-	50.000.000
Tăng khác (i)	-	39.160.000	28.010.080	-	-	67.170.080
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	53.458.410.226	118.774.723.110	19.875.859.625	2.583.009.996	663.938.583.056	858.630.586.013
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2025	37.519.559.444	95.900.447.413	16.799.918.694	2.331.896.784	455.362.632.151	607.914.454.486
Tăng trong kỳ	520.400.424	2.974.097.574	379.797.781	55.481.556	32.972.272.855	36.902.050.190
Khấu hao trong kỳ	520.400.424	2.942.451.410	351.787.701	55.481.556	32.972.272.855	36.842.393.946
Tăng khác (i)	-	31.646.164	28.010.080	-	-	59.656.244
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	38.039.959.868	98.874.544.987	17.179.716.475	2.387.378.340	488.334.905.006	644.816.504.676
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2025	15.888.850.782	22.835.115.697	3.047.930.851	251.113.212	208.575.950.905	250.598.961.447
Tại 30/6/2025	15.418.450.358	19.900.178.123	2.696.143.150	195.631.656	175.603.678.050	213.814.081.337

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

(i) Tăng, giảm khác là quy đổi ngoại tệ theo tỷ giá các tài sản của Chi nhánh Campuchia.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 265.945.913.602 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 265.153.300.052 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 191.477.658.305 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 226.313.436.003 đồng).

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định thuộc dự án đầu tư xây dựng Cầu Yên Lệnh theo phương thức BOT (dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1) (Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T) số 52002/GTVT-KHĐT ngày 11/02/2002 và các Phụ lục Hợp đồng kèm theo) lần lượt là 161.774.504.871 đồng và 0 đồng. Thời gian thu phí cho dự án xây dựng cầu Yên Lệnh dự kiến là từ ngày 01/3/2005 đến hết ngày 02/9/2019. Công ty đã hoàn tất thời gian thu phí hoàn vốn cho giai đoạn 1 nhưng chưa thực hiện quyết toán hợp đồng BOT giai đoạn 1 của Dự án và hiện vẫn đang được Bộ Giao thông Vận tải giao cho Công ty quản lý và bảo trì.

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định thuộc Dự án xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ Cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức BOT (Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 2) lần lượt là 502.164.078.185 đồng và 175.603.678.050 đồng. Công ty đang thực hiện thu phí hoàn vốn cho dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 2, dự kiến đến ngày 09 tháng 12 năm 2026.

**5.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2025	2.407.580.909	2.407.580.909
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2025	2.407.580.909	2.407.580.909
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2025	454.765.286	454.765.286
Tăng trong kỳ	150.473.808	150.473.808
Khấu hao trong kỳ	150.473.808	150.473.808
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2025	605.239.094	605.239.094
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2025	1.952.815.623	1.952.815.623
Tại 30/6/2025	1.802.341.815	1.802.341.815



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất (*)	TSCĐ vô hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2025	5.304.375.000	225.470.000	5.529.845.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	5.304.375.000	225.470.000	5.529.845.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2025	-	225.470.000	225.470.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	-	225.470.000	225.470.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2025	5.304.375.000	-	5.304.375.000
Tại 30/6/2025	5.304.375.000	-	5.304.375.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 225.470.000 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 225.470.000 đồng).

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài thửa đất số 260, tờ bản đồ số 10-E tại Bùi Trám, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với diện tích 6.900 m<sup>2</sup> (trong đó đất ở là 400 m<sup>2</sup> và đất vườn là 6.500 m<sup>2</sup>). Tổng Công ty nhận chuyển nhượng từ Ông Nguyễn Văn Viêm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại ngày 12 tháng 03 năm 2020. Quyền sử dụng đất đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

Tỷ lệ		30/6/2025			01/01/2025		
Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết							
22,0%	22,0%	17.844.300.000	30.840.448.978	-	17.844.300.000	27.581.685.751	-
Công ty TNHH BOT đường 188							
		17.844.300.000	30.840.448.978	-	17.844.300.000	27.581.685.751	-
Tổng							
Tỷ lệ		30/6/2025			01/01/2025		
Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư dài hạn khác							
16,2%	16,2%	3.821.068.339	-	(i)	3.821.068.339	-	(i)
Công ty CP Xây dựng số 16 Thăng Long							
16,9%	16,9%	1.807.850.307	-	(i)	1.807.850.307	-	(i)
Công ty CP Xây dựng số 15 Thăng Long							
15,0%	15,0%	300.000.000	-	(i)	300.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long							
		1.713.218.032	-	(i)	1.713.218.032	-	(i)
Tổng							
		3.821.068.339	-	(i)	3.821.068.339	-	(i)

(i): Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.13. Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>438.784.843.283</b>	<b>438.784.843.283</b>	<b>434.468.788.417</b>	<b>434.468.788.417</b>
Phải trả người bán lĩnh vực xây dựng	436.225.686.700	436.225.686.700	372.007.596.424	372.007.596.424
Công ty CP Thương mại tư vấn và xây dựng Vĩnh Hưng	18.540.801.208	18.540.801.208	17.553.879.135	17.553.879.135
Công ty Cổ phần thương mại và Tư vấn Tân Cơ	3.305.296.087	3.305.296.087	17.213.440.079	17.213.440.079
Các đối tượng khác	414.379.589.405	414.379.589.405	337.240.277.210	337.240.277.210
Phải trả người bán lĩnh vực khác	2.559.156.583	2.559.156.583	62.461.191.993	62.461.191.993
<b>Tổng</b>	<b>438.784.843.283</b>	<b>438.784.843.283</b>	<b>434.468.788.417</b>	<b>434.468.788.417</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>12.893.913.863</b>	<b>12.893.913.863</b>	<b>274.357.432</b>	<b>274.357.432</b>
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)				

**5.14. Người mua ứng tiền trước ngắn hạn**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
- Người mua trả tiền trước lĩnh vực xây dựng	537.939.632.087	662.415.950.051
Ban Quản lý dự án 7	14.751.755.643	60.297.146.229
Ban Quản lý dự án 85	21.383.341.400	108.388.922.400
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam	15.742.078.241	48.313.904.928
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa	99.245.754.000	100.756.990.000
Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa	97.515.123.996	73.361.474.333
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	145.108.693.560	187.482.000.000
Các đối tượng khác	144.192.885.247	83.815.512.161
- Người mua trả tiền trước lĩnh vực khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>537.939.632.087</b>	<b>662.415.950.051</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.15. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2025
<b>Phải nộp</b>	<b>3.919.901.414</b>	<b>13.382.645.249</b>	<b>9.757.728.742</b>	<b>7.544.817.921</b>
Thuế giá trị gia tăng	887.946.249	6.021.532.093	5.922.420.343	987.057.999
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.755.370.942	3.992.942.384	2.277.354.504	3.470.958.822
Thuế thu nhập cá nhân	943.719.132	880.840.312	1.238.170.860	586.388.584
Thuế tài nguyên	-	149.545.283	149.545.283	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.263.030	2.212.064.038	-	2.229.327.068
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	17.756.117	56.062.721	7.000.000	66.818.838
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	297.845.944	69.658.418	163.237.752	204.266.610
<b>Phải thu</b>	<b>40.729.381.869</b>	<b>661.225.439</b>	<b>4.484.605.572</b>	<b>44.552.762.002</b>
Thuế giá trị gia tăng	40.729.381.869	661.225.439	4.460.956.313	44.529.112.743
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	23.649.259	23.649.259

**5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>61.422.026.597</b>	<b>48.173.924.605</b>
- Chi phí lãi vay	1.176.621.289	
- Trích trước chi phí thi công công trình	60.229.201.604	47.887.239.895
- Các khoản khác	16.203.704	286.684.710
<b>Tổng</b>	<b>61.422.026.597</b>	<b>48.173.924.605</b>

**5.17. Doanh thu chưa thực hiện**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</b>	<b>2.264.433.001</b>	<b>2.203.708.197</b>
Doanh thu cho thuê văn phòng và tài sản	2.264.433.001	2.203.708.197
<b>Tổng</b>	<b>2.264.433.001</b>	<b>2.203.708.197</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.18. Phải trả khác**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>133.920.432.705</b>	<b>124.949.552.858</b>
Kinh phí công đoàn	595.860.046	557.436.609
Bảo hiểm xã hội	489.613.483	-
Bảo hiểm y tế	23.649.727	-
Bảo hiểm thất nghiệp	10.510.984	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	132.800.798.465	124.392.116.249
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>603.148.680</i>	<i>603.148.680</i>
<i>Đội thi công công trình</i>	<i>104.617.254.590</i>	<i>104.673.995.964</i>
<i>Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV (i)</i>	<i>10.381.724.610</i>	<i>10.781.724.610</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>17.198.670.585</i>	<i>8.333.246.995</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>16.462.431.049</b>	<b>16.462.431.049</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	1.609.382.000	1.609.382.000
Phải trả dài hạn khác	14.853.049.049	14.853.049.049
<i>Công ty TNHH BOT đường 188 (ii)</i>	<i>14.853.049.049</i>	<i>14.853.049.049</i>
<b>Tổng</b>	<b>150.382.863.754</b>	<b>141.411.983.907</b>
<b>Trong đó: Phải trả các bên liên quan</b>	<b>14.853.049.049</b>	<b>14.853.049.049</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>		

(i) Theo Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội liên quan đến trách nhiệm của các nhà thầu thi công các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng theo quy định của gói thầu số 4 Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi giai đoạn từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2017, tại mục trách nhiệm bồi thường, Tổng Công ty với tư cách là nhà thầu phải bồi thường cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Căn cứ bản án nêu trên, Tổng Công ty đã ghi nhận nợ phải trả Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Đồng thời, căn cứ theo các hợp đồng ký kết giữa Tổng Công ty với các nhà thầu phụ để thực hiện gói thầu số 4, Tổng Công ty đang tạm thời xác định các nhà thầu phụ có trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty do thi công không đảm bảo chất lượng công trình theo quy định. Ngày 05/9/2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội có Quyết định số 174/QĐ-CCTHADS về việc khấu trừ số tiền 18.556.130.948 đồng trong tài khoản số 1462201022200 của Tổng Công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam để thi hành án. Số tiền còn lại thực hiện một phần bằng công nợ giữa Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

(ii) Tiền thu hoàn vốn đầu tư của các dự án BOT đường 188 chờ quyết toán với các đối tác trong dự án BOT và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTPC

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19. Vay và nợ thuế tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		Phát sinh trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>856.505.410.498</b>	<b>856.505.410.498</b>	<b>590.193.027.084</b>	<b>544.351.473.720</b>	<b>810.663.857.134</b>	<b>810.663.857.134</b>
Vay ngắn hạn các ngân hàng	754.669.552.361	754.669.552.361	578.408.714.743	506.468.930.521	682.729.768.139	682.729.768.139
Vay dài hạn đến hạn trả	12.102.991.514	12.102.991.514	65.830.251	27.882.543.199	39.919.704.462	39.919.704.462
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	11.740.064.966	11.740.064.966	701.079.925	27.701.079.925	38.740.064.966	38.740.064.966
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	362.926.548	362.926.548	(635.249.674)	181.463.274	1.179.639.496	1.179.639.496
Vay đối tượng khác	89.732.866.623	89.732.866.623	11.718.482.090	10.000.000.000	88.014.384.533	88.014.384.533
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>4.826.481.482</b>	<b>4.826.481.482</b>	<b>635.249.674</b>	<b>701.079.925</b>	<b>4.892.311.733</b>	<b>4.892.311.733</b>
Vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức	4.100.628.399	4.100.628.399	-	701.079.925	4.801.708.324	4.801.708.324
Nợ thuế tài chính	725.853.083	725.853.083	635.249.674	-	90.603.409	90.603.409
<b>Tổng</b>	<b>861.331.891.980</b>	<b>861.331.891.980</b>	<b>590.828.276.758</b>	<b>545.052.553.645</b>	<b>815.556.168.867</b>	<b>815.556.168.867</b>

c. Nợ thuế tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	
Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Trả nợ gốc
233.191.699	51.728.425	181.463.274	998.176.222
<b>233.191.699</b>	<b>51.728.425</b>	<b>181.463.274</b>	<b>998.176.222</b>

Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV -  
SuMi TRUST -Chi nhánh Hà Nội



**TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a. Vay ngắn hạn</b>		
<b>Vay ngắn hạn các ngân hàng</b>	<b>856.505.410.498</b>	<b>810.663.857.134</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (1)	754.669.552.361	682.729.768.139
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (2)	221.710.614.249	173.126.016.722
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (3)	381.228.888.052	361.182.099.578
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tây Hồ (4)	16.156.138.371	16.813.469.683
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế (5)	72.097.763.242	74.223.401.618
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (6)	44.575.873.885	38.927.554.400
	18.900.274.562	18.457.226.138
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>12.102.991.514</b>	<b>39.919.704.462</b>
<b>Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả</b>	<b>11.740.064.966</b>	<b>38.740.064.966</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (7)	1.920.683.336	1.920.683.336
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nghệ An (8)	9.819.381.630	36.819.381.630
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	<b>362.926.548</b>	<b>1.179.639.496</b>
<b>Vay đối tượng khác</b>	<b>89.732.866.623</b>	<b>88.014.384.533</b>
Vay cán bộ công nhân viên (9)	62.290.447.488	60.601.215.305
Công ty TNHH liên danh Ilsung & Cienco I	1.078.590.319	1.049.340.412
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cienco 4 (10)	26.363.828.816	26.363.828.816
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>4.826.481.482</b>	<b>4.892.311.733</b>
<b>Vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức</b>	<b>4.100.628.399</b>	<b>4.801.708.324</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (7)	4.100.628.399	4.801.708.324
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>725.853.083</b>	<b>90.603.409</b>
Nợ thuê tài chính dài hạn (11)	725.853.083	90.603.409
<b>Tổng</b>	<b>861.331.891.980</b>	<b>815.556.168.867</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.19 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)**

(1) Khoản vay theo hợp đồng số 01/2025/161762/HĐTD ngày 20/01/2025 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng: 1.300.000.000.000 đồng (Trong đó: hạn mức dư nợ, dư bảo lãnh thanh toán và dư L/C không vượt quá 300.000.000.000 đồng; hạn mức bảo lãnh các loại là 1.000.000.000.000 đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/10/2025. Lãi suất vay: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản bảo đảm là các khoản lợi thu được từ khai thác giá trị quyền sử dụng đất tại số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và các hợp đồng tiền gửi (lãi suất từ 1,9%/năm đến 4,2%/năm) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng số 256/2024/HĐTD/NHN ký ngày 08/10/2024 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng không vượt quá 1.500.000.000.000 đồng (Trong đó hạn mức cho vay là 500.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 1.000.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày Ký Hợp đồng Cấp tín dụng này. Tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt khác đã hình thành và hình thành trong tương lai từ các hợp đồng thi công của Tổng Công ty với các chủ đầu tư theo các hợp đồng Thế chấp tài sản: số 350/2020/HĐBD/NHN/04 ký ngày 10/11/2021, số 262/2022/HĐBD/NHN ký ngày 18/11/2022, số 131/2023/HĐBD/NHN ký ngày 09/03/2023, số 04/2023/HĐBD/NHN ký ngày 09/03/2023, số 95/2024/HĐBD/NHN ký ngày 09/04/2024 giữa TP Bank và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 149/2024/HĐTD/NHN ngày 24/7/2024 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long. Giá trị hạn mức tín dụng tối đa: 45.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng), trong đó hạn mức cho vay là 25.000.000.000 VND (hiện tại hạn mức cho vay là 20.000.000.000 VND, tăng thêm 5.000.000.000 VND khi mà Công ty Cổ phần Cầu 35 tăng vốn thêm tối thiểu 10.000.000.000 hoặc có tài sản đảm bảo phù hợp và Quyền đòi nợ 50/50) và hạn mức bảo lãnh là 20.000.000.000 VND. Thời hạn sử dụng hạn mức tính dụng: 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng. Thời hạn mỗi khoản vay được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ nhưng không vượt quá 9 tháng. Lãi suất trong năm 2024 từ 8,5% đến 9,95%.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng số 24/2321351-CTD/033 ngày 11/10/2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức cấp tín dụng là 40.000.000.000 đồng (Trong đó hạn mức cho vay ngân hạn là 40.000.000.000 đồng, giới hạn cho vay trung hạn là 7.642.000.000 đồng). Mục đích vay là cho vay ngân hạn tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay được bảo đảm bằng một số tài sản là 5 xe lu rung CASE model 1107EX-D, 5 xe lu rung hai cầu DYNAPAC model CA35D - 12t theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 22/2321351-HDTC/003 ký ngày 23/02/2022, thế chấp tài sản là Căn hộ chung cư số 617, tòa L26M-2 (S1.09) có địa chỉ tại Ô đất B3-CT04, Tòa L26M-2 (S1.09) Dự án Khu Đô thị Gia Lâm - Vinhomes Ocean Park và tài sản khác gắn liền với số đất số BD902635 theo Hợp đồng thế chấp nhà ở số 22/2321351-CHCC/003 ký ngày 27/06/2022 giữa ông Nguyễn Viết Phương và bà Phan Thị Thu Thảo theo Hợp đồng Thế chấp nhà ở số 22/2321351-CHCC/003 ký ngày 27/06/2022, thế chấp tài sản là Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner, BKS: 30G-366.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 808896 ngày 17/06/2020 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 22/2321351-PTVT/03-01 ký ngày 13/10/2022.

AM - 1 - 2/01/25



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**  
Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(4) Hợp đồng tín dụng số 01/2024/134637/HĐTD ngày 03/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ và Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long; Hạn mức cấp tín dụng là 110 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay ngân hạn, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C tối đa là 80 tỷ đồng; Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 30/9/2025; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Lãi suất: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Tài sản đảm bảo là các tài sản và quyền đòi nợ giá trị khối lượng xây lắp hình thành trong tương lai, cụ thể trong từng hợp đồng thế chấp.

(5) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-16417-01 ngày 11/4/2024 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế và Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long; Hạn mức cấp tín dụng là 100 tỷ đồng, trong đó hạn mức được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hình thành trong tương lai tối đa 40 tỷ đồng; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng này; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ thi công xây dựng; Lãi suất: được xác định theo từng khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa các bên. Tài sản đảm bảo: Thẻ chấp bằng Bất động sản tại thửa 260, TBĐ 10-E, Xóm Bùi Trám, Xã Hòa Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1307 ký ngày 20/09/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); Cầm cố bằng toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng theo tài khoản tiền gửi số 08122020-262989-HĐCC thuộc sở hữu của Công ty mở tại ngân hàng theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 08122020-262889-HĐCC ký ngày 14/12/2020 và các văn bản, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); và thế chấp bằng Quyền đòi nợ phát sinh từ các Hợp đồng thi công,...

(6) Khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng chung số 754/24/TD/SME/011 ngày 25/07/2024 giữa Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 đồng (Hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng, Hạn mức bảo lãnh 300.000.000.000 đồng). Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 25/07/2024 đến hết ngày 25/07/2025. Mục đích cấp tín dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất, phí của từng loại hình cấp tín dụng được quy định cụ thể trong từng Phụ lục hợp đồng kèm theo Hợp đồng này và/hoặc các văn bản khác liên quan đến cấp tín dụng và/hoặc theo biểu phí niêm yết của ABBANK. Biện pháp đảm bảo: Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên Được Cấp Hạn Mức phát sinh theo Hợp đồng này được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa Bên Bảo đảm và ABBANK.

(7) Khoản vay theo Hợp đồng số 22/2321351-CTD/003 ngày 23/02/2022 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư tài sản cố định theo Hợp đồng mua sắm hàng hóa số 009/2022/HĐMSHH/TLG-TQEq ngày 15/02/2022 ký giữa Tổng Công ty Thăng Long-CTCP với Công ty Cổ phần Thiết bị Tìn Quang và Hợp đồng mua sắm hàng hóa số 010/2022/HĐMSHH/TLG-BM ngày 15/02/2022 ký giữa Tổng Công ty Thăng Long - CTCP với Công ty Cổ phần Thiết bị Đầu tư Bình Minh. Thời hạn mỗi khoản vay là 72 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo từ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là 10 xe lu theo Hợp đồng thế chấp số 22/2321351- HĐTD ngày 23/02/2022.

(8) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng cấp tín dụng số NGA.DN.808.060415 ngày 05/6/2015 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung với hạn mức cho vay là 650.000.000.000 đồng. Số tiền vay khả dụng là 500.000.000.000 đồng, số tiền vay dự phòng là 150.000.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích Đầu tư Dự án Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao thông Vực Vòng theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao. Thời hạn giải ngân là 30 tháng kể từ ngày nhận đủ tiền vay lần đầu. Thời hạn cho vay từ ngày Công ty nhận tiền vay lần đầu đến ngày 25/10/2025. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT bao gồm: quyền tiếp nhận dự án, quyền thu phí và các quyền tài sản khác; toàn bộ tài sản khác thuộc Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT, toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP trong Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh.



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.19 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

(9) Khoản vay cá nhân theo các hợp đồng:

- Khoản vay ông Phan Đức Thế theo hợp đồng số 002/2021 ngày 19/5/2021, số tiền vay là 400.000 USD, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày nhận tiền, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2025 là: 400.000 USD.
- Khoản vay ông Nguyễn Anh Văn theo hợp đồng ngày 30/9/2021, số tiền vay là 3.000.000 USD, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2025 là: 1.949.643 USD.

(10) Tại ngày 30/06/2025, dư nợ dài hạn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 bao gồm :

- Khoản vay Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 theo Hợp đồng vay số 01/2017/HĐVV/CIENCO4-BOT ngày 26/12/2017 với hạn mức cho vay là 30.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn thanh toán trong quá trình đầu tư khai thác dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng. Thời hạn cho vay là 08 năm kể từ ngày bên vay rút vốn vay lần đầu. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nghệ An và được nhập gốc 01 lần vào cuối năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng 01/2024/HĐVV/CIENCO4-BOT ngày 16/01/2024 với hạn mức cho vay 8.400.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung nguồn vốn thanh toán các khoản nợ nhà thầu xây dựng dự án Đầu tư xây dựng QL38 đoạn từ Cầu Yên Lệnh đến nút gia Vực Vòng theo hình thức BOT và trả một phần gốc vay Tổng công ty Thăng Long -CTCP theo hợp đồng cho vay số 08/2019/HĐVV-TLG-BOTYL ngày 10/12/2019. Thời hạn vay tối đa 24 tháng. Lãi suất trong thời gian công ty còn dư nợ vay ngân hàng ACB Nghệ An: Bằng lãi suất ACB Nghệ An thu lãi. Lãi suất trong thời gian công ty không còn dư nợ vay ngân hàng ACB Nghệ An: có định 10%/ năm.

- (11) Khoản nợ thuế tài chính tại Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 21723000240/HĐCTTC ngày 14/6/2023 để thuê tài sản là Xe ô tô con 5 chỗ nhập khẩu VOLVO S90L ULTIMATE - 29LD-04148. Thời hạn thuê là 60 tháng, lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội giải ngân khoản tiền đặt cho bên cung cấp.



Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

### 5.20. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu							Đơn vị tính: VND	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	218.518.286	24.954.816.575	54.328.575.554	84.415.578.732	635.080.165.692
Lãi/Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(7.828.309.448)	10.066.961.028	2.238.651.580
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	1.050.000.000	1.050.000.000
Chia trả cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Phân phối trong năm tại Công ty con	-	-	-	-	-	(4.972.603)	(177.677.556)	(182.650.159)
Tăng/giảm khác	-	-	-	265.941.113	-	(38.935.548)	2.676.393	229.681.958
Số dư tại 31/12/2024	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	484.459.399	24.954.816.575	46.456.357.955	77.357.538.597	620.415.849.071
Số dư tại 01/01/2025	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	484.459.399	24.954.816.575	46.456.357.955	77.357.538.597	620.415.849.071
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	11.607.758.877	8.931.144.043	20.538.902.920
Tăng/Giảm khác (i)	-	-	-	(63.549.624)	-	-	-	(63.549.624)
Số dư tại 30/6/2025	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	420.909.775	24.954.816.575	58.064.116.832	86.288.682.640	640.891.202.367

(i) Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Chi nhánh Tổng Công ty Thắng Long - CTCP tại Campuchia từ đồng ngoại tệ sang Việt Nam đồng và tăng giảm khác khi hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.20 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG (Trước đây Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG)	211.589.080.000	211.589.080.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) (*)	-	105.000.000.000
Ông Phạm Tuấn Vũ (*)	105.000.000.000	-
Vốn góp của đối tượng khác	102.490.920.000	102.490.920.000
<b>Tổng</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>419.080.000.000</b>

(\*): Ngày 23/01/2025, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu cổ phần 10.500.000 cổ phần cho Ông Phạm Tuấn Vũ.

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	419.080.000.000	419.080.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	419.080.000.000	419.080.000.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>41.908.000</b>	<b>41.908.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>41.908.000</b>	<b>41.908.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	41.908.000	41.908.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>54.300</b>	<b>54.300</b>
Cổ phiếu phổ thông	54.300	54.300
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>41.853.700</b>	<b>41.853.700</b>
Cổ phiếu phổ thông	41.853.700	41.853.700
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các Quỹ của Tổng Công ty**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	24.954.816.575	24.954.816.575
<b>Tổng</b>	<b>24.954.816.575</b>	<b>24.954.816.575</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**

Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	143,77	3.638.916	143,77	3.638.916
JPY	24.109,00	3.841.528	24.109,00	3.841.528
<b>Tổng</b>		<b>7.480.444</b>		<b>7.480.444</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu hoạt động xây dựng	598.271.481.872	742.456.239.122
Doanh thu thu phí đường bộ dự án BOT	75.303.532.410	65.507.487.790
Doanh thu hoạt động khác	42.735.961.397	23.560.713.250
<b>Tổng</b>	<b>716.310.975.679</b>	<b>831.524.440.162</b>

*Các khoản giảm trừ doanh thu***Doanh thu thuần**

Doanh thu hoạt động xây dựng	598.271.481.872	742.456.239.122
Doanh thu thu phí đường bộ dự án BOT	75.303.532.410	65.507.487.790
Doanh thu hoạt động khác	42.735.961.397	23.560.713.250
<b>Tổng</b>	<b>716.310.975.679</b>	<b>831.524.440.162</b>

*Trong đó: Doanh thu các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)*

2.524.910.767

2.566.650.253

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	567.302.235.672	709.749.940.665
Giá vốn thu phí đường bộ dự án BOT	38.652.507.328	44.776.035.044
Giá vốn hoạt động khác	32.086.455.107	12.763.651.676
<b>Tổng</b>	<b>638.041.198.107</b>	<b>767.289.627.385</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.420.191.355	2.236.819.161
- Lợi nhuận dự án BOT	-	1.050.000.000
<b>Tổng</b>	<b>3.420.191.355</b>	<b>3.286.819.161</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	28.505.573.474	32.193.925.163
<b>Tổng</b>	<b>28.505.573.474</b>	<b>32.193.925.163</b>

Trong đó:

*Chi phí tài chính với các bên liên quan:*  
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)

128.972.603

-

**6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	-	49.762.172
Chi phí bằng tiền khác	-	49.762.172
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>29.661.700.899</b>	<b>31.249.215.148</b>
Chi phí nhân viên quản lý	16.305.906.907	15.961.453.695
Chi phí vật liệu quản lý	40.776.344	69.360.783
Chi phí đồ dùng văn phòng	246.361.521	226.619.146
Chi phí khấu hao TSCĐ	792.374.106	1.012.097.205
Thuế phí và lệ phí	83.079.268	149.816.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.540.510.448	5.440.526.809
Chi phí bằng tiền khác	7.652.692.305	8.389.341.199
<b>Tổng</b>	<b>29.661.700.899</b>	<b>31.298.977.320</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.300.000.000
- Thanh lý công cụ dụng cụ	323.863.063	
- Thu phạt hợp đồng	297.719.808	855.104.399
- Thu nhập từ cho thuê hạ tầng kỹ thuật lắp cáp điện trên Cầu Yên Lệnh	65.454.540	65.454.540
- Các khoản khác	65.103.778	400.106.114
<b>Tổng</b>	<b>752.141.189</b>	<b>2.620.665.053</b>
<b>Chi phí khác</b>		
- Chi tiền do phạt vi phạm hợp đồng	-	26.134.815
- Lỗ thanh lý tài sản	-	2.504.046.086
- Các khoản bị phạt chậm nộp, lãi chậm nộp	43.339.649	55.047.787
- Chi phí không được trừ	11.655.983	196.581.575
- Tiền chênh lệch Hợp đồng vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra Tỉnh Quảng Ninh DA gói thầu 12 Cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên	2.919.353.100	-
- Chi phí khác	27.404.934	40.291.571
<b>Tổng</b>	<b>3.001.753.666</b>	<b>2.822.101.834</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(2.249.612.477)</b>	<b>(201.436.781)</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	3.992.942.384	929.684.152
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.992.942.384</b>	<b>929.684.152</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.538.902.920	6.170.229.018
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	8.931.144.043	3.475.389.055
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.607.758.877	2.694.839.963
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	41.853.700	41.853.700
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>277</b>	<b>64</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	213.932.010.812	298.479.726.621
Chi phí nhân công	34.318.839.580	29.124.679.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.992.867.754	43.694.962.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.023.631.575	561.596.380.216
Chi phí khác bằng tiền	11.887.954.734	20.042.972.732
<b>Tổng</b>	<b>746.155.304.455</b>	<b>952.938.722.061</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành. Thông tin các lô đất như sau:

- Lô đất thuê tại đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Quyết định số 5901/QĐ-UBND ngày 02/11/2015, Hợp đồng thuê đất số 232/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 10/5/2016, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 232/PLHĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 05/8/2021 giữa UBND Thành phố Hà Nội (Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đơn vị được ủy quyền) và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP; Diện tích đất thuê: 11.400 m<sup>2</sup> đất nằm ngoài chỉ giới đường đỏ được xác định bởi các điểm A, B, C, D, từ 8 đến 18 thuê để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm văn phòng làm việc, kho bãi và nhà xưởng. Thời hạn thuê đất hàng năm.

- Lô đất thuê tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo Quyết định số 4043/QĐ-UBND ngày 17/8/2015, Hợp đồng thuê đất số 192/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 29/3/2016, Quyết định điều chỉnh số 3491/QĐ-UBND ngày 10/8/2020, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 45/HĐTĐ-PL-STNMT-CCQLĐĐ ngày 24/02/2021 giữa UBND Thành phố Hà Nội (Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đơn vị được ủy quyền) và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP; Diện tích đất thuê: 9.656,26 m<sup>2</sup> (Trong đó: 8.674 m<sup>2</sup> đất nằm ngoài chỉ giới đường đỏ và hành lang bảo vệ tuyến điện hiện có để tiếp tục sử dụng làm văn phòng làm việc và nhà xưởng; 982,26 m<sup>2</sup> đất nằm trong chỉ giới đường đỏ và hành lang bảo vệ tuyến điện hiện có tuyệt đối không được xây dựng mới công trình, khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án theo quy hoạch, Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao lại theo quy định). Thời hạn thuê đất hàng năm.

- Lô đất thuê tại số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thuê đất số 193/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 29/3/2016, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 44/HĐTĐ-PL-STNMT-CCQLĐĐ ngày 24/02/2021 giữa UBND Thành phố Hà Nội (Sở Tài nguyên và Môi trường là đại diện theo ủy quyền) và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP; Diện tích đất thuê: 645,2 m<sup>2</sup> (Trong đó: 577,8 m<sup>2</sup> đất nằm ngoài chỉ giới đường đỏ được xác định bởi các điểm B, A, từ 5 đến 9 để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc; 67,4 m<sup>2</sup> đất nằm trong chỉ giới đường đỏ được xác định bởi các điểm A, B, từ 1 đến 4 sử dụng nguyên hiện trạng, không xây dựng mới, khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án theo quy hoạch, Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao lại theo quy định). Thời hạn sử dụng đất hàng năm.

- Lô đất thuê tại đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thuê đất số 230/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 10/5/2016 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP; Diện tích đất thuê: 1.795 m<sup>2</sup> (Trong đó: 794,4 m<sup>2</sup> đất nằm ngoài chỉ giới đường đỏ được xác định bởi các điểm A, B, C, 7, D, 8, E, 9 đến 11 đã xây dựng văn phòng làm việc và nhà kho; 1.000,6 m<sup>2</sup> đất nằm trong chỉ giới đường đỏ được xác định bởi các điểm từ 1 đến 7, C, B, A tuyệt đối không xây dựng mới công trình, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định). Thời hạn thuê đất hàng năm.

- Lô đất thuê tại phố Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 16/6/2015, Hợp đồng thuê đất số 538/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 10/6/2016, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 43/HĐTĐ-PL-STNMT-CCQLĐĐ ngày 24/02/2021 giữa UBND Thành phố Hà Nội (Sở Tài nguyên và Môi trường là đại diện theo ủy quyền) và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP; Diện tích đất thuê: 4.040 m<sup>2</sup> (Trong đó: 3.970,6 m<sup>2</sup> đất nằm ngoài chỉ giới đường đỏ được xác định bởi các điểm từ 4 đến 13, B đã xây dựng văn phòng làm việc và nhà xưởng; 69,4 m<sup>2</sup> đất nằm trong chỉ giới đường đỏ được xác định bởi các điểm từ 1 đến 4, B, từ 14 đến 17 tuyệt đối không xây dựng mới). Thời hạn thuê đất hàng năm.



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

Tổng Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG (Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG)	Công ty mẹ
Công ty TNHH BOT Đường 188	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 - VC9	Công ty liên quan của người nội bộ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với cổ đông và nhân sự chủ chốt**

Lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Lương và thù lao	2.366.000.000	2.412.000.000
<b>Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị</b>			
Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND
<b>Lương, thù lao HĐQT</b>		<b>800.000.000</b>	<b>780.000.000</b>
Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	360.000.000
Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	360.000.000	360.000.000
Vũ Đức Trung	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 06/5/2025)	20.000.000	-
<b>Lương Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>1.236.000.000</b>	<b>1.236.000.000</b>
Nguyễn Hải Vinh	Phó Tổng Giám đốc	288.000.000	288.000.000
Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	288.000.000	288.000.000
Hoàng Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc	330.000.000	330.000.000
Nguyễn Anh Văn	Phó Tổng Giám đốc	330.000.000	330.000.000
<b>Lương Kế toán trưởng</b>		<b>330.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
Nguyễn Thị Dịu	Kế toán trưởng	330.000.000	300.000.000
<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>		-	<b>96.000.000</b>
Nguyễn Minh Tú	Trưởng ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 21/4/2023)	-	25.161.290
Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 09/5/2024)	-	35.419.355
Bùi Quang Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 09/5/2024)	-	35.419.355



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Bán hàng</b>			<b>2.524.910.767</b>	<b>2.566.650.253</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công	2.524.450.377	2.547.146.884
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ	Dịch vụ	460.390	19.503.369
<b>Mua hàng</b>			<b>61.545.294.741</b>	<b>122.614.219.731</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Xây lắp	59.168.482.258	110.734.926.046
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ	Xây lắp	2.376.812.483	11.879.293.685
<b>Đi vay</b>			<b>10.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Vay	10.000.000.000	-
<b>Trả gốc vay</b>			<b>10.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Trả vay	10.000.000.000	-
<b>Lãi vay</b>			<b>128.972.603</b>	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Lãi vay	128.972.603	-

**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			<b>4.167.710.822</b>	<b>3.767.537.802</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công	4.167.710.822	3.767.537.802
<b>Trả trước cho người bán</b>			<b>142.915.632.841</b>	<b>126.648.280.471</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công	71.083.190.860	53.604.943.913
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ	Thi công và khác	71.832.441.981	73.043.336.558
<b>Phải thu khác</b>			<b>720.943.751</b>	<b>720.943.751</b>
Công ty TNHH BOT đường 188	Công ty liên kết	Phải trả khá	720.943.751	720.943.751
<b>Phải trả người bán</b>			<b>12.893.913.863</b>	<b>274.357.432</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công	12.889.481.460	274.357.432
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ	Thi công và khác	4.432.403	-
<b>Phải trả khác</b>			<b>14.853.049.049</b>	<b>14.853.049.049</b>
Công ty TNHH BOT đường 188	Công ty liên kết		14.853.049.049	14.853.049.049

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 như sau:

	Hoạt động Xây lắp	Hoạt động khác	Kinh doanh Dự án BOT	Tổng
Doanh thu thuần	598.271.481.872	42.735.961.397	75.303.532.410	716.310.975.679
Giá vốn	567.302.235.672	32.086.455.107	38.652.507.328	638.041.198.107
Lợi nhuận gộp	30.969.246.200	10.649.506.290	36.651.025.082	78.269.777.572
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	30.969.246.200	10.649.506.290	36.651.025.082	78.269.777.572
Doanh thu tài chính				3.420.191.355
Chi phí tài chính				(28.505.573.474)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				3.258.763.227
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng				(29.661.700.899)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD				(2.249.612.477)
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(3.992.942.384)
Lợi nhuận trong kỳ				20.538.902.920



**TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

### 7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bổ phân cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ			
	Hoạt động Xây lắp	Hoạt động khác	Kinh doanh
			Dự án BOT
Tổng			
Doanh thu	742.456.239.122	23.560.713.250	65.507.487.790
Giá vốn	709.749.940.665	12.763.651.676	44.776.035.044
Lợi nhuận gộp	32.706.298.457	10.797.061.574	20.731.452.746
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận			
Doanh thu tài chính	32.706.298.457	10.797.061.574	20.731.452.746
Chi phí tài chính			
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng			
Lợi nhuận khác			
Thuế thu nhập doanh nghiệp			
Lợi nhuận trong kỳ			

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	Hoạt động Xây lắp	Hoạt động khác	Kinh doanh Dự án BOT	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Công nợ phải thu	1.110.420.530.621	123.419.999.903	76.439.718.586	1.310.280.249.110
Tài sản cố định	-	-	175.603.678.050	175.603.678.050
Tài sản không phân bổ				1.225.046.241.452
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2.710.930.168.612</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Công nợ phải trả	974.165.318.787	2.559.156.583	53.520.536.922	1.030.245.012.292
Nợ phải trả không thể phân bổ				1.039.793.953.953
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.070.038.966.245</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận ngày 01 tháng 01 năm 2025 như sau:

	Hoạt động Xây lắp	Hoạt động khác	Kinh doanh Dự án BOT	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Công nợ phải thu	935.233.052.801	121.524.209.793	38.064.808.444	1.094.822.071.038
Tài sản cố định	-	-	208.575.950.905	208.575.950.905
Tài sản không thể phân bổ				1.440.126.911.053
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2.743.524.932.996</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Công nợ phải trả	1.034.423.546.475	62.461.191.993	148.295.739.201	1.245.180.477.669
Nợ phải trả không thể phân bổ				877.928.606.256
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.123.109.083.925</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh hợp nhất liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc

Vũ Quang Hòa

Nguyễn Thị Dịu



Nguyễn Việt Hà

